TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 20 – 01 – 2021
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bạch Phiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Liệt;

2. Ông Ngô Văn Khon.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Thanh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 20 tháng 01 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 330/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2020 về việc "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phan Văn T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Số 000, ấp 1, xã 2, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Đinh Thị Ngọc Y, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số nhà 00, ấp 3, xã 4, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt lần thứ hai, không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Anh Phan Văn T trình bày:*

Anh Phan Văn T và Chị Đinh Thị Ngọc Y được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã 2, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre vào ngày 04/10/2013. Trước khi kết hôn anh chị có quen biết tìm hiểu khoảng 1 năm. Việc anh chị kết hôn là tự nguyện, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối kết hôn.

Trong thời gian Anh Phan Văn T và Chị Đinh Thị Ngọc Y chung sống với nhau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, tính tình không hợp nhau, không hòa hợp trong cuộc sống, vợ chồng hay cãi vã. Vợ chồng cố gắng tạo lập gia đình hạnh phúc nhưng không được. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Hiện nay, Anh T không còn tình cảm yêu thương với Chị Y.

Do Chị Y đã bỏ đi khỏi địa phương không có tin tức liên hệ nên Anh T đã yêu cầu tuyên bố mất tích đối với Chị Y và được Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình ra Quyết định giải quyết việc dân sự về việc tuyên bố Chị Y mất tích theo Quyết định số: 01/2020/QĐST-DS ngày 16/7/2020.

Nay Anh Phan Văn T yêu cầu ly hôn với Chị Đinh Thị Ngọc Y. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Chị Đinh Thị Ngọc Y không có ý kiến trình bày.*

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Đơn khởi kiện ngày 16/7/2020 của Anh Phan Văn T (bản chính).

- Giấy chứng nhận kết hôn giữa Anh Phan Văn T và Chị Đinh Thị Ngọc Y (bản chính).

- Giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của Anh Phan Văn T (bản sao).

- Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc yêu cầu tuyên bố một người mất tích số: 01/2020/QĐST-DS ngày 16/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình (bản chính).

- Đơn xin vắng mặt của Anh Phan Văn T (bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của Anh Phan Văn T và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Đinh Thị Ngọc Y cư trú tại số nhà 00, ấp 3, xã 4, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Phan Văn T vắng mặt có đơn xin xử vắng mặt, Chị Đinh Thị Ngọc Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, không rõ lý do; nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Anh Phan Văn T và Chị Đinh Thị Ngọc Y là đúng theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Phan Văn T và Chị Đinh Thị Ngọc Y có đăng ký kết hôn tại UBND xã 2, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre vào ngày 04/10/2013. Việc anh chị kết hôn là tự nguyện không ai cưỡng ép, hay lừa dối kết hôn. Việc kết hôn giữa Anh Phan Văn T và Chị Đinh Thị Ngọc Y là đúng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Anh Phan Văn T xác định: Trong thời gian anh và Chị Y chung sống với nhau, giữa anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, tính tình không hợp nhau, không hòa hợp trong cuộc sống, vợ chồng hay cãi vã. Vợ chồng cố gắng tạo lập gia đình hạnh phúc nhưng không được. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Hiện nay, Anh T không còn tình cảm yêu thương với Chị Y. Mặt khác, Chị Y đã bị Tòa án tuyên bố mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc yêu cầu tuyên bố một người mất tích số: 01/2020/QĐST-DS ngày 16/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình. Điều này chứng minh, hôn nhân giữa Anh Phan Văn T và Chị Đinh Thị Ngọc Y đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của Anh Phan Văn T đối với Chị Đinh Thị Ngọc Y là phù hợp với quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, Anh T xác định anh và Chị Y không có con chung, tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nhưng không có ý kiến của Chị Y, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này; nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Anh Phan Văn T phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 và khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh Phan Văn T.

- Về hôn nhân: Anh Phan Văn T được ly hôn với Chị Đinh Thị Ngọc Y.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về án phí:

Anh Phan Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BI/2019/0006786 ngày 19/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình. Anh Phan Văn T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Đinh Thị Ngọc Y không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- Chi cục THADS huyện Thanh Bình;
- UBND xã 2, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Trần Thị Bạch Phiến